BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

Số: 1626/QĐ-ĐHVL-ĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do –Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
V/v ban hành chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế K28

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

Căn cứ Quyết định 71/TTG ngày 27/1/1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học DL Văn Lang;

Căn cứ Quyết định 1755/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của Trường Đại học Văn Lang;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Văn Lang ban hành theo Nghị quyết số 01/NQ/VL-HNNĐT ngày 29 tháng 02 năm 2020 của Hội nghị Nhà đầu tư và Nghị quyết ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Văn Lang;

Căn cứ vào Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành theo Quyết định số 1423/QĐ-ĐHVL-ĐT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Văn Lang;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành chương trình đào tạo trình độ Đại học hệ chính quy của ngành Luật kinh tế - mã số 7380107 (Chương trình đào tạo, Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo và Bản mô tả chương trình đào tạo ngành).

Điều 2. Quyết định này áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2022.

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng phòng Đào tạo, phòng HC&QTNNL, Phòng Kế toán, Khoa Luật và các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

PGS. TS. Trần Thị Mỹ Diệu

Nơi nhận:
- Chủ tịch HĐT (để báo cáo);
- Các P. Hiệu trưởng (để biết);
- Như Điều 3;
- Lưu: P. ĐT, P. HC&QTNNL

K28

Phụ lục 3

(Kèm theo Thông báo số 1391/TB-ĐHVL-ĐT ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Văn Lang)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2022

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Luật Kinh tế

Niên khóa: 2022 – 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1626/QĐ-ĐHVL-ĐT, ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Lang)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	
Cử nhân Luật Kinh tế	
Bậc trình độ theo khung trình độ quốc giá Việt Nam	
Bậc 6	
Đơn vị cấp bằng	**Đơn vị giảng dạy**
Trường Đại học Văn Lang	Trường Đại học Văn Lang
Khoa quản lý	
Khoa Luật	
Trang thông tin điện tử của khoa	
http://luat.vanlanguni.edu.vn/	
Tên văn bằng	
Cử nhân Luật Kinh tế	
Mã ngành đào tạo	
7380107	
Điều kiện tuyển sinh	
Ngành Luật Kinh tế tuyển sinh theo các phương thức sau: – Phương thức 1: xét tuyển theo kết quả Kỳ thi trung học phổ thông Quốc gia; – Phương thức 2: xét tuyển theo kết quả học tập học bạ năm lớp 12 phổ thông trung học; – Phương thức 3: xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực đầu vào của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh; – Phương thức 4: tuyển trực tiếp những học sinh đoạt giải thưởng cấp quốc gia.	

Thời gian và hình thức đào tạo				
Chương trình	**Thời gian đào tạo**	**Hình thức đào tạo**	**Thời gian bắt đầu áp dụng**	**Phương thức đào tạo**
Cử nhân ngành Luật Kinh tế	4 năm	Chính quy tập trung	Tháng 9/2022	Lên lớp trực tiếp tại các cơ sở; học trực tuyến; kiến tập, thức tập thực tế
Ngôn ngữ giảng dạy chính				
Tiếng Việt				
Ngôn ngữ dùng để đánh giá				
Tiếng Việt				

2. Chương trình được kiểm định theo tiêu chuẩn của tổ chức

- Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam.

3. Đội ngũ giảng viên và chuyên viên/nhân viên cơ hữu

TT	Học hàm – Học vị	Số lượng				Ghi chú
		Giảng viên cơ hữu	Cán bộ quản lý	Chuyên viên/nhân viên	Tổng cộng	
1	Giáo sư					
2	Phó giáo sư	3	2		5	
3	Tiến sĩ	7	4		11	
4	Thạc sĩ	23	4		27	
5	Cử nhân			2	2	
TỔNG CỘNG		**33**	**10**	**2**	**45**	

4. Vị trí công tác sau khi tốt nghiệp

- *Nhóm 1:* Làm việc trong các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài (FDI), khu vực doanh nghiệp tư nhân cả trong và ngoài nước;
- *Nhóm 2*: Làm việc trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước; cơ quan bảo vệ pháp luật (như Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan thi hành án, Cơ quan điều tra …); đơn vị sự nghiệp; tổ chức chính trị - xã hội.
- *Nhóm 3:* Làm việc tại các tổ chức bổ trợ tư pháp bao gồm: Tổ chức hành nghề Luật sư; Quản tài viên; Tổ chức đấu giá tài sản; Trọng tài thương mại; Tổ chức giám định tư pháp; Tổ chức hành nghề Công chứng; Văn phòng Thừa phát lại.
- *Nhóm 4*: Tham gia giảng dạy, làm việc, nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.
- *Nhóm 5*: Làm việc tại các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế có các hoạt động liên quan đến các vấn đề pháp luật.

5. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

5a. Triết lý giáo dục và chiến lược dạy - học của ngành đào tạo
Triết lý giáo dục của CTĐ là: ***"Sự kết hợp của lý thuyết cùng các hoạt động ứng dụng mô phỏng và thực hành các kỹ năng sử dụng, vận dụng kiến thức pháp luật vào thực tiễn".***

5b. Mục tiêu của CTĐT	
Đào tạo Cử nhân ngành Luật Kinh tế theo định hướng ứng dụng, có kiến thức pháp luật cơ bản và chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật về kinh tế; có kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn để giải quyết tốt những vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động nghề nghiệp. Bên cạnh đó, chương trình đào tạo còn giúp người học phát triển thể chất, tư duy, phẩm chất đạo đức tốt; có ý thức, thái độ tích cực, tôn trọng, bảo vệ pháp luật và có khả năng nghiên cứu, sáng tạo, thích ứng cao trong công việc phù hợp với tiến trình phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế của đất nước.	
5c. Chuẩn đầu ra của CTĐT	
Kiến thức:	
PLO 1	Áp dụng kiến thức khoa học xã hội, kinh tế, lý luận chính trị để giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyên môn của ngành Luật Kinh tế.
PLO 2	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành Luật Kinh tế để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong công việc.
PLO 3	Đề xuất những giải pháp phù hợp nhằm giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh.
Kỹ năng:	
PLO 4	Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, ngoại ngữ nhằm giải quyết các vấn đề trong công việc.
PLO 5	Áp dụng hiệu quả các kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập, giao tiếp, thuyết trình, tư duy phản biện, logic, sáng tạo để giải quyết vấn đề phát sinh trong công việc.
PLO 6	Ứng dụng các kỹ năng soạn thảo văn bản trong hoạt động nghề nghiệp.
PLO 7	Ứng dụng các kỹ năng soạn thảo văn bản trong hoạt động nghề nghiệp.
PLO 8	Ứng dụng những kỹ năng nghề nghiệp khi tham gia tố tụng.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm:	
PLO 9	Tuân thủ các quy định pháp luật, kỷ luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong khi thực hiện công việc.
PLO 10	Định hướng tương lai rõ ràng và hình thành ý thức học tập suốt đời để đáp ứng sự thay đổi của Ngành Luật Kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa.
5.d. Những đặc điểm khác của CTĐT	
i) Khả năng quốc tế hóa/toàn cầu hóa (CTĐT có những giải pháp gì để thúc đẩy khả năng quốc tế hóa và khuyến khích sinh viên giao lưu văn hóa?)	
- Chương trình đã trang bị cho sinh viên những năng lực để có thể làm việc trong môi trường đa văn hóa, đáp ứng những yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước. - Sinh viên được học tập với những giảng viên giàu kinh nghiệm, uy tín, là những nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Hơn nữa, sinh viên có thể tham gia các chương trình trao đổi học thuật và văn hóa với các quốc gia trong khu vực. Nhà trường và Khoa cũng có những hoạt động trao đổi quốc tế để tạo ra môi trường truyền thông đa văn hóa, giúp sinh viên dễ dàng hòa nhập vào môi trường nghề nghiệp quốc tế.	
ii) Các vấn đề khác (Tính bình đẳng, đa dạng, đầy đủ được tích hợp như thế nào khi thiết kế, xây dựng nội dung và triển khai CTĐT)	
- Chương trình cung cấp cơ hội học tập cho tất cả sinh viên không phân biệt quốc gia, dân tộc, giới tính, tuổi tác và người khuyết tật.	

- Các môn học/học phần tự chọn được thiết kế để cung cấp cho người học cơ hội lựa chọn chuyên ngành/chuyên sâu phù hợp với sở thích, năng lực và nhu cầu xã hội.

6. Ma trận chức năng (mức độ đóng góp của các học phần cho các PLOs):

Mức I (Introduced): *Học phần có hỗ trợ đạt được PLO/PI ở mức giới thiệu/bắt đầu.*

Mức R (Reinforced): *Học phần có hỗ trợ đạt được PLO/PI ở mức nâng cao hơn mức giới thiệu/bắt đầu. Ở các HP này, người học có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế...*

Mức M (Mastery): *Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học đạt được PLO/PI ở mức thành thục/thành thạo.*

Học phần cốt lõi A (Assessed): *là học phần bắt buộc có ý nghĩa tiên quyết đối với ngành đào tạo chính trong một chương trình, cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức người học đạt được PLO/PI. Trong bảng ma trận, học phần cốt lõi được ký hiệu M,A hoặc R,A hoặc I,A.*

STT	Môn học	Lộ trình tiêu chuẩn	Kiến thức tổng quát		Kiến thức chuyên môn				Kỹ năng tổng quát				Kỹ năng chuyên môn							Thái độ			
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7			PLO8		PLO9		PL10	
			1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	6.1	6.2	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2
1	Anh văn 1 (IELTS)	1								I	I												I
2	Logic học pháp lý	1	R								I	I											I
3	Lý luận về Nhà nước và pháp luật	1			M,A						I		I	I									I
4	Luật Hiến pháp	1				I					I		I							I			I
5	Triết học Mác - Lênin	1	M,A	M							I	I											I
6	Kỹ năng máy tính và tin học ứng dụng văn phòng	1							I		I	I											I

STT	Môn học	Lộ trình tiêu chuẩn	Kiến thức tổng quát		Kiến thức chuyên môn				Kỹ năng tổng quát				Kỹ năng chuyên môn							Thái độ			
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7			PLO8		PLO9		PL10	
			1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	6.1	6.2	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2
7	Kinh tế học đại cương	2	I								I	I											I
8	Anh văn 2 (IELTS)	2								I	I												I
9	Tâm lý học đại cương	2	I								I	I											I
10	Kỹ năng công dân toàn cầu	2	I								I,A	I											I
11	Những vấn đề chung về Luật Dân sự, tài sản và quyền thừa kế	3				R,A					I			R						I			I
12	Anh văn 3 (IELTS)	3								I	I	I											I

STT	Môn học	Lộ trình tiêu chuẩn	Kiến thức tổng quát		Kiến thức chuyên môn				Kỹ năng tổng quát				Kỹ năng chuyên môn							Thái độ			
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7			PLO8		PLO9		PL10	
			1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	6.1	6.2	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2
13	Luật Hành chính	3				I							I,A		I					I			I
14	Lịch sử Nhà nước và pháp luật	3			I						I	I	I										I
15	Lễ tân ngoại giao	3	I								I	I								I			I
16	Phương pháp nghiên cứu Luật học	3	I								I	I	I	I									I
17	Anh văn 4 (IELTS)	4								R	R	R											R
18	Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài	4						R			R			R		R,A				R			

STT	Môn học	Lộ trình tiêu chuẩn	Kiến thức tổng quát		Kiến thức chuyên môn				Kỹ năng tổng quát				Kỹ năng chuyên môn							Thái độ			
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7			PLO8		PLO9		PL10	
			1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	6.1	6.2	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2
	hợp đồng																						
19	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	4						R,A						R				I		R			R,A
20	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	4	I								I									I			I
21	Luật So sánh	4				M					R		I	I						I			
22	Anh văn 5 (IELTS)	5								R	R	R											R
23	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	5						R,A				R,A		R						R			R
24	Luật Hình sự	5					R,A				R	R	R							R			
25	Luật Tố tụng dân sự	5					R						R				I,A	R,A	R	R			

STT	Môn học	Lộ trình tiêu chuẩn	Kiến thức tổng quát		Kiến thức chuyên môn				Kỹ năng tổng quát				Kỹ năng chuyên môn							Thái độ			
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7			PLO8		PLO9		PL10	
			1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	6.1	6.2	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2
26	Luật Hôn nhân và gia đình	5						I			R			R						R			R
27	Hệ thống pháp luật Việt Nam	5						I		R			I	I						I			
28	Anh văn 6 (IELTS)	6								R	R	R											R
29	Công pháp Quốc tế	6					I				I		R							I			I
30	Luật Đất đai	6						R			R			R						R			R
31	Luật Tố tụng hình sự	6					R						R				I	R	R,A		M,A		
32	Anh văn 7 (IELTS)	7								M,A	M												M
33	Luật Thương mại Quốc tế	7						R			R			R,A						R			R

STT	Môn học	Lộ trình tiêu chuẩn	Kiến thức tổng quát		Kiến thức chuyên môn				Kỹ năng tổng quát				Kỹ năng chuyên môn							Thái độ			
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7			PLO8		PLO9		PL10	
			1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	6.1	6.2	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2
34	Tư pháp Quốc tế	7						R			R			R					I	R			R
35	Pháp luật về thương mại điện tử	7						R			R			R						R			R
36	Luật Sở hữu trí tuệ	7						R				R		R							I		R
37	Luật Lao động	8						R				R		R						R			R
38	Luật Ngân hàng	8						R				R		R						R		R	
39	Chủ nghĩa xã hội khoa học	8		R,A							R	R											R
40	Luật Cạnh tranh	8						M				R,A		R						R		R	
41	Luật Biển Quốc tế	8					I					R	R							R			R

STT	Môn học	Lộ trình tiêu chuẩn	Kiến thức tổng quát		Kiến thức chuyên môn				Kỹ năng tổng quát				Kỹ năng chuyên môn							Thái độ			
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7			PLO8		PLO9		PL10	
			1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	6.1	6.2	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2
42	Luật Thi hành án dân sự	8						R				R		R						R			R
43	Luật Đầu tư	9						R				R		R						R		R	
44	Tư tưởng Hồ Chí Minh	9		I							I	I											I
45	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	9		I							I	I											I
46	Luật các Tổ chức Quốc tế về thương mại	9						M				M		M						M		I	
47	Luật Thuế	9						M				M		M						M			
48	Kỹ thuật soạn	10							M						M,A					M			

STT	Môn học	Lộ trình tiêu chuẩn	Kiến thức tổng quát		Kiến thức chuyên môn				Kỹ năng tổng quát				Kỹ năng chuyên môn							Thái độ			
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7			PLO8		PLO9		PL10	
			1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	6.1	6.2	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2
	thảo văn bản																						
49	Pháp luật về xuất nhập khẩu	10						M				M		M						M			
50	Pháp luật kinh doanh bất động sản	10						R				M		M		I				M		M	
51	Luật Đầu tư Quốc tế	10						R				M		M						M		M	
52	Luật Môi trường	10						R				M		M						M		M	
53	Thực tập	11					M	M				M	M	M						M,A		M,A	
54	Khóa Luận tốt nghiệp	11						M				M		M						M			M
55	HPTN1: Các phương	11						M				M		M			M		M	M		M	

STT	Môn học	Lộ trình tiêu chuẩn	Kiến thức tổng quát		Kiến thức chuyên môn				Kỹ năng tổng quát				Kỹ năng chuyên môn							Thái độ			
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7			PLO8		PLO9		PL10	
			1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	6.1	6.2	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2
	thức giải quyết tranh chấp trong thương mại																						
56	HPTN 2: Kỹ năng đàm phán, soạn thảo, tư vấn hợp đồng trong kinh doanh	11						M				M		M		M		M		M		M	

7. Các chương trình và quy định được tham khảo

7.a. Đối sánh CTĐT với các trường trong và ngoài nước và các quy định phù hợp được tham khảo
- Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 6 - đại học). - Đối sánh CTĐT với các trường: + Trong nước (đối sánh với các CTĐT ngành Luật của các trường có uy tín tại Việt Nam như CTĐT Luật kinh doanh của Đại học Kinh tế - Luật, CTĐT ngành Luật kinh doanh của Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội); + Nước ngoài (đối sánh với các CTĐT ngành Luật của các trường như Trường Đại học Bristol (Anh – xếp hạng 92 (2022) - THE World Ranking của Trường thuộc TOP 100; Trường Đại học Monash (Úc) – xếp hạng 57 (2022) - THE World Ranking của Trường thuộc TOP 100).
7b. Điều kiện tốt nghiệp
1. Sinh viên tích lũy đủ 130 tín chỉ theo thiết kế của CTĐT. Cụ thể, điểm bình quân tích lũy toàn khóa đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4); có chứng chỉ giáo dục quốc phòng; có điểm đạt môn giáo dục thể chất; và thỏa mãn một số yêu cầu khác của nhà trường (nếu có). 2. Thang xếp loại tốt nghiệp theo điểm bình quân tích lũy toàn khóa (thang điểm 4): - Xuất sắc: từ 3.6 đến 4.0 - Giỏi: từ 3.20 đến 3.59 - Khá: từ 2.50 đến 3.19 - Trung bình: từ 2.00 đến 2.49

8. Nội dung và tổ chức thực hiện CTĐT

8.a. Cấu trúc và kế hoạch thực hiện CTĐT

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số tiết/giờ				Bắt buộc/tự chọn	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					LT	TH	ĐA	TT				
1	1	71ENG110013	Anh văn 1 (IELTS)	3	30	30			Bắt buộc	71ENG010013	Không	Không
2	1	71LAWS10172	Logic học pháp lý	2	30				Bắt buộc	Không	Không	Không
3	1	71LAWS30454	Lý luận về Nhà nước và pháp luật	4	60				Bắt buộc	Không	Không	Không
4	1	71LAWS30252	Luật Hiến pháp	2	30				Bắt buộc	Không	71LAWS30454	Không
5	1	71POLP10013	Triết học Mác - Lênin	3	45				Bắt buộc	Không	Không	Không
6	1	71CICT10012	Kỹ năng máy tính và Tin học ứng dụng văn phòng	2		60			Bắt buộc	Không	Không	Không
7	1		Giáo dục quốc phòng	11	90	75			Bắt buộc	Không	Không	Không
8	2	71ECON20063	Kinh tế học đại cương	3	45				Bắt buộc	Không	Không	Không
9	2	71ENG210023	Anh văn 2 (IELTS)	3	30	30			Bắt buộc	71ENG010013	Không	Không
10	2	71LAWS10612	Tâm lý học đại cương	2	30				Bắt buộc	Không	Không	Không

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số tiết/giờ				Bắt buộc/tự chọn	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
11	2	71SSK110023	Kỹ năng công dân toàn cầu	3	30	30			Bắt buộc	Không	Không	Không
12	2		Giáo dục thể chất 1	2	15	30			Bắt buộc	Không	Không	Không
13	3	71LAWS40463	Những vấn đề chung về Luật Dân sự, tài sản và quyền thừa kế	3	45				Bắt buộc	Không	Không	71LAWS30454
14	3	71ENG310033	Anh văn 3 (IELTS)	3	30	30			Bắt buộc	71ENG210023	Không	Không
15	3	71LAWS40243	Luật Hành chính	3	45				Bắt buộc	Không	Không	71LAWS30454
16	3	71LAWS30162	Lịch sử Nhà nước và pháp luật	2	30				Bắt buộc	Không	Không	Không
17	3	71LAWS10152	Lễ tân ngoại giao	2	30				Tự chọn	Không	Không	Không
18	3	71LAWS10602	Phương pháp nghiên cứu Luật học	2	30				Tự chọn	Không	Không	Không
19	4	71ENG410043	Anh văn 4 (IELTS)	3	30	30			Bắt buộc	71ENG310033	Không	Không
20	4	71LAWS40553	Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại	3	45				Bắt buộc	Không	Không	71LAWS40463

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số tiết/giờ				Bắt buộc/tự chọn	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
			ngoài hợp đồng									
21	4	71LAWS40523	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	3	45				Bắt buộc	Không	Không	71LAWS40463
22	4	71POLE10022	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30				Bắt buộc	Không	71POLS10032	71POLP10013
23	4	71LAWS30352	Luật So sánh	2	30				Bắt buộc	Không	Không	71LAWS30454, 71LAWS30252
24	5	71ENG510053	Anh văn 5 (IELTS)	3	30	30			Bắt buộc	71ENG410043	Không	Không
25	5		Giáo dục thể chất 2	2	15	30			Bắt buộc	Không	Không	Không
26	5	71LAWS40572	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	2	30				Bắt buộc	Không	Không	71LAWS40523
27	5	71LAWS40264	Luật Hình sự	4	60				Bắt buộc	Không	Không	71LAWS30454, 71LAWS30252
28	5	71LAWS40414	Luật Tố tụng dân sự	4	60				Bắt buộc	Không	Không	71LAWS40553
29	5	71LAWS40292	Luật Hôn nhân và gia đình	2	30				Tự chọn	Không	Không	71LAWS40463
30	5	71LAWS40042	Hệ thống pháp luật Việt Nam	2	30				Tự chọn	Không	Không	71LAWS10612

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số tiết/giờ				Bắt buộc/tự chọn	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
31	6	71ENG610063	Anh văn 6 (IELTS)	3	30	30			Bắt buộc	71ENG510053	Không	Không
32	6	71LAWS40023	Công pháp Quốc tế	3	45				Bắt buộc	Không	Không	71LAWS40264
33	6	71LAWS40212	Luật Đất đai	2	30				Bắt buộc	Không	Không	71LAWS40463
34	6	71LAWS40433	Luật Tố tụng hình sự	3	45				Bắt buộc	Không	Không	71LAWS40264
35	7	71ENG710073	Anh văn 7 (IELTS)	3	0	90			Bắt buộc	71ENG510063	Không	Không
36	7	71LAWS40403	Luật Thương mại Quốc tế	3	45				Bắt buộc	Không	71LAWS40673	71LAWS40572
37	7	71LAWS40673	Tư pháp Quốc tế	3	45				Bắt buộc	Không	Không	71LAWS40023, 71LAWS40414
38	7	71LAWS40562	Pháp luật về thương mại điện tử	2	30				Tự chọn	Không	Không	71LAWS40572
39	7	71LAWS40342	Luật Sở hữu trí tuệ	2	30				Tự chọn	Không	Không	71LAWS40553
40	8	71LAWS40303	Luật Lao động	3	45				Bắt buộc	Không	Không	71LAWS40463
41	8	71LAWS40322	Luật Ngân hàng	2	30				Bắt buộc	Không	Không	71LAWS40572
42	8	71POLS10032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30				Bắt buộc	Không	71POLE10022	71POLP10013
43	8	71LAWS40202	Luật Cạnh tranh	2	30				Bắt buộc	Không	Không	71LAWS40572
44	8	71LAWS40182	Luật Biển Quốc tế	2	30				Tự chọn	Không	Không	71LAWS40023

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số tiết/giờ				Bắt buộc/tự chọn	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
45	8	71LAWS40362	Luật Thi hành án dân sự	2	30				Tự chọn	Không	Không	71LAWS40414
46	9	71LAWS40222	Luật Đầu tư	2	30				Bắt buộc	Không	Không	71LAWS40572
47	9	71POLH10042	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30				Bắt buộc	Không	71POLC10052	71POLP10013, 71POLE10022, 71POLS10032,
48	9	71POLC10052	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30				Bắt buộc	Không	71POLH10042	71POLP10013, 71POLE10022, 71POLS10032,
49	9	71LAWS40193	Luật các Tổ chức Quốc tế về thương mại	3	45				Bắt buộc	Không	Không	71LAWS40403
50	9	71LAWS40393	Luật Thuế	3	45				Bắt buộc	Không	Không	71LAWS40572
51	10	71LAWS40142	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	30				Bắt buộc	Không	Không	71LAWS40243
52	10	71LAWS40593	Pháp luật về xuất nhập khẩu	3	45				Bắt buộc	Không	Không	71LAWS40572, 71LAWS40403
53	10	71LAWS40482	Pháp luật kinh doanh bất động sản	2	30				Tự chọn	Không	Không	71LAWS40212
54	10	71LAWS40232	Luật Đầu tư Quốc tế	2	30				Tự chọn	Không	Không	71LAWS40222, 71LAWS40403

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số tiết/giờ				Bắt buộc/tự chọn	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
55	10	71LAWS40312	Luật Môi trường	2	30				Tự chọn	Không	Không	71LAWS40243
56	11	71LAWS40644	Thực tập	4				180	Bắt buộc	Không	Không	Không
57	11	71LAWS40126	Khóa Luận tốt nghiệp	6					Tự chọn	Sinh viên đủ điều kiện theo quy định		
58	11	71LAWS40053	HPTN1: Các phương thức giải quyết tranh chấp trong thương mại	3	45				Tự chọn		Không	71LAWS40414, 71LAWS40572
59	11	71LAWS40093	HPTN 2: Kỹ năng đàm phán, soạn thảo, tư vấn hợp đồng trong kinh doanh	3	45				Tự chọn		Không	71LAWS40553

8.b. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
1.	Triết học Mác – Lê nin	3	Điều kiện tiên quyết/học trước: Không
			Nội dung học phần: Triết học Mác - Lênin là một trong ba bộ phận cấu thành Chủ nghĩa Mác - Lênin. Nội dung môn học gồm có 3 chương, giải thích về những vấn đề chung liên quan tới sự tồn tại, phát triển của thế giới nói chung, của sự tồn tại và phát triển xã hội loài người nói riêng, nó trang bị thế giới quan đúng đắn, nhân sinh quan tích cực, cũng như phương pháp luận biện chứng, khoa học cho người học, nhằm giải quyết tốt những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn. Môn học còn là cơ sở để sinh viên tiếp thu tốt các môn Lý luận chính trị, cũng như các môn khoa học khác.
2.	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2	Học phần tiên quyết: Không Học phần học trước, song hành: 71POLP10013, Triết học Mác - Lênin
			Nội dung học phần: Nội dung học phần được cấu trúc thành 6 chương. Trong đó, chương 1 giới thiệu về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của môn học; chương 2, 3, 4 tập trung nghiên cứu những lý luận giá trị lao động, quá trình sản xuất giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do canh tranh, giai đoạn độc quyền và độc quyền nhà nước; chương 5,6 trình bày kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam, những quan điểm, giải pháp về công nghiệp hóa hiện đại hóa và vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần tiên quyết: Không Học phần học trước: 71POLP10013 - Triết học Mác – Lênin
			Nội dung học phần: Học phần gồm 7 chương trình bày quy luật tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở kiến thức của môn học, sinh viên vận dụng phân tích những vấn đề chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Qua đó, giáo dục cho sinh viên niềm tin khoa học, lập trường chính trị, tư tưởng và thái độ đúng đắn, khách quan về học phần nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam nói chung.
4.		2	Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
	Tư tưởng Hồ Chí Minh		Nội dung học phần: Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh và những tư tưởng cơ bản của Người về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới. Môn học còn rèn luyện ý chí và hành động phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng cách mạng mà Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân ta đã lựa chọn.
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Điều kiện tiên quyết/học trước: Không
			Nội dung học phần: Học phần gồm 4 chương, trình bày về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, quá trình Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945), về kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược, thực hiện thống nhất đất nước (1945 – 1975), về đường lối của Đảng trong quá trình lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – 2018). Môn học còn định hướng lập trường tư tưởng, chính trị vững vàng, xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo cách mạng của Đảng trong lịch sử dân tộc.
6.	Logic học pháp lý	2	Điều kiện tiên quyết/học trước: Không
			Nội dung học phần: Học phần này trang bị cho người học kiến thức về nhận thức và bản chất của hoạt động tư duy. Người học được cung cấp kiến thức về các quy luật cơ bản của tư duy và các hình thức của tư duy. Qua đó rèn luyện tư duy logic, nhờ đó có thể sử dụng chính xác từ, câu trong diễn đạt tư tưởng; có kỹ năng lập luận, diễn giải cũng như chứng minh, bác bỏ vấn đề có sức thuyết phục; suy nghĩ hợp logic; khắc phục những sai phạm trong tư duy, trong giao tiếp và trong tranh biện nói riêng và hoạt động nghề luật nói chung.
7		3	Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
	Kinh tế học đại cương		Nội dung học phần: Kinh tế học đại cương trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ chế hoạt động của thị trường và của toàn bộ nền kinh tế; về hành vi và cách thức ra quyết định nhằm tối ưu hóa lợi ích của người tiêu dùng và của doanh nghiệp trong điều kiện các nguồn lực khan hiếm; về cách thức đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và mối quan hệ giữa chúng; qua đó sẽ giúp sinh viên có khả năng giải thích, nhận định tình hình biến động của thị trường và của toàn bộ nền kinh tế; hiểu biết các chính sách kinh tế mà chính phủ áp dụng trong điều hành nền kinh tế. Kinh tế học đại cương là nền tảng cho nhiều môn học khác và giúp cho người học tư duy tổng thể, đa chiều và tư duy phản biện.
8	Giáo dục quốc phòng (*)	11	Điều kiện tiên quyết/học trước: Không.
			Nội dung học phần: Được ban hành theo Thông tư số 31/2012/TT-BGDĐT ngày 12/9/2012 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng và an ninh trình độ Đại học và Cao đẳng.
9	Tâm lý học đại cương	2	Điều kiện tiên quyết/học trước: Không
			Nội dung học phần: Giúp người học lĩnh hội được những kiến thức cơ bản về bản chất, đặc điểm của hiện tượng tâm lý và các quy luật tâm lý cơ bản của con người (nhận thức, tình cảm, ý chí, hành động và nhân cách...). Nội dung chính của học phần bao gồm: Nhập môn Tâm lý học; Hoạt động và giao tiếp; Sự hình thành và phát triển tâm lý và ý thức; Hoạt động nhận thức; Xúc cảm, tình cảm; Ý chí và Nhân cách, sự hình thành và phát triển nhân cách.
10	Anh văn 1 (IELTS)	3	Học phần tiên quyết: Anh văn dự bị (AV0) – Academic English Foundation – 71ENG010013 Học phần học trước, song hành: Không
			Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh học thuật trình độ sơ cấp bậc 1: - Kiến thức cơ bản: Luyện tập 4 kỹ năng nghe-nói-đọc-viết sử dụng: + Từ vựng cơ bản: nghề nghiệp, phương tiện liên lạc, du lịch. + Văn phạm cơ bản: cấu trúc câu đơn, thì hiện tại đơn, thì quá khứ đơn với 'to be', thì hiện tại tiếp diễn, sử dụng từ nối cơ bản. - Kiến thức nâng cao: Luyện tập 4 kỹ năng nghe-nói-đọc-viết sử dụng: + Từ vựng nâng cao: dân số, thời đại trực quan, thám hiểm.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			+ Văn phạm nâng cao: cách kết hợp từ tự nhiên, động từ ở thể nguyên mẫu, câu mệnh lệnh, sử dụng động từ khuyết thiếu. - Kiến thức/kỹ năng mở rộng: thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề.
11	Anh văn 2 (IELTS)	3	Học phần tiên quyết: Anh văn 1 (AV1) – Academic English 1 - 71ENG110013 Học phần học trước, song hành: Không
			Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh học thuật trình độ tiền sơ cấp bậc 2: - Kiến thức cơ bản: Luyện tập 4 kỹ năng nghe-nói-đọc-viết sử dụng: + Từ vựng cơ bản: mạo hiểm và phần thưởng, bảo vệ động vật hoang dã, bảo vệ môi trường, phát minh, ... + Văn phạm cơ bản: thì hiện tại đơn, trạng từ chỉ sự thường xuyên, thì quá khứ đơn, thì tương lai, … - Kiến thức nâng cao: Luyện tập 4 kỹ năng nghe-nói-đọc-viết sử dụng: + Từ vựng nâng cao: vật báu bị mất cắp, thám hiểm vũ trụ và đáy biển, DNA và ứng dụng, … + Văn phạm nâng cao: thì hiện tại hoàn thành, động từ khiếm khuyết, ... - Kiến thức/kỹ năng mở rộng: thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề.
12	Anh văn 3 (IELTS)	3	Học phần tiên quyết: Anh văn 2 (AV2) – Academic English 2 - 71ENG210023 Học phần học trước, song hành: Không
			Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh học thuật trình độ trên sơ cấp bậc 2: - Kiến thức cơ bản: Luyện tập 4 kỹ năng nghe-nói-đọc-viết sử dụng: + Từ vựng cơ bản: trạng thái cảm xúc, giải trí, cách thức giao tiếp ... + Văn phạm cơ bản: thì hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn, danh từ đếm được và không đếm được, … - Kiến thức nâng cao: Luyện tập 4 kỹ năng nghe-nói-đọc-viết sử dụng: + Từ vựng nâng cao: quảng cáo, thời tiết, phong cách sống xanh, thức ăn. + Văn phạm nâng cao: cách diễn đạt vấn đề và đưa ra giải pháp, cách viết câu hỗ trợ, cách diễn đạt lý do, tính từ miêu tả, ... - Kiến thức/kỹ năng mở rộng: thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề
13	Anh văn 4 (IELTS)	3	Học phần tiên quyết: Anh văn 3 (AV3) – Academic English 3 – 71ENG310033 Học phần học trước, song hành: Không

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh học thuật trình độ trung cấp: - Kiến thức cơ bản: Luyện tập 4 kỹ năng nghe-nói-đọc-viết sử dụng: + Từ vựng cơ bản: tương lai, khám phá, âm nhạc - nghệ thuật, ... + Văn phạm cơ bản: các từ nối cơ bản, đại từ, liên từ kết hợp, các cụm từ thể hiện sở thích và mong muốn, … - Kiến thức nâng cao: Luyện tập 4 kỹ năng nghe-nói-đọc-viết sử dụng: + Từ vựng nâng cao: mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, giao tiếp, … + Văn phạm nâng cao: các cụm từ chỉ thời gian, các cách so sánh, các từ thể hiện cảm xúc, thì hiện tại hoàn thành, ... - Kiến thức/kỹ năng mở rộng: thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề
14	Anh văn 5 (IELTS)	3	Học phần tiên quyết: Anh văn 4 (AV4) – Academic English 4 - 71ENG410043 Học phần học trước, song hành: Không
			Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh học thuật trình độ trên trung cấp: - Kiến thức cơ bản: Luyện tập 4 kỹ năng nghe-nói-đọc-viết sử dụng: + Từ vựng cơ bản: hạnh phúc, sức khỏe và lối sống, công nghệ và phát minh, ... + Văn phạm cơ bản: các động từ chỉ hành động và động từ trạng thái, thì quá khứ tiếp diễn, … - Kiến thức nâng cao: Luyện tập 4 kỹ năng nghe-nói-đọc-viết sử dụng: + Từ vựng nâng cao: bảo vệ môi trường, văn hóa và truyền thống, trí nhớ và bộ não, … + Văn phạm nâng cao: thì hiện tại hoàn thành, câu chủ động và bị động, các cụm từ chỉ nguyên nhân – kết quả, ... - Kiến thức/kỹ năng mở rộng: thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề.
15	Anh văn 6 (IELTS)	3	Học phần tiên quyết: Anh văn 5 (AV5) – Academic English 5 - 71ENG510053 Học phần học trước, song hành: Không
			Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh học thuật trình độ Tiền Trung Cao cấp: - Kiến thức cơ bản: Luyện tập 4 kỹ năng nghe-nói-đọc-viết sử dụng: + Từ vựng cơ bản: động vật trong y học, thức ăn và các chế độ ăn, thảm họa tự nhiên, ... + Văn phạm cơ bản: mô tả một quá trình với thì hiện tại đơn, câu bị động trong qúa khứ, … - Kiến thức nâng cao: Luyện tập 4 kỹ năng nghe-nói-đọc-viết sử dụng: + Từ vựng nâng cao: các kỳ quan nhân tạo, thích nghi tự nhiên, công việc và sự đổi mới, … + Văn phạm nâng cao: tính từ so sánh, câu điều kiện, thì hiện tại hoàn thành, ... - Kiến thức/kỹ năng mở rộng: thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
16	Anh văn 7 (IELTS)	3	Học phần tiên quyết: Anh văn 6 (AV6) – Academic English 6 – 71ENG610063 Học phần học trước, song hành: Không
			Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh học thuật trình độ trung cao cấp và trên trung cao cấp: - Kiến thức cơ bản: Luyện tập 4 kỹ năng nghe-nói-đọc-viết sử dụng: + Từ vựng cơ bản: môi trường, địa lý, lịch sử, nghệ thuật, trẻ em và gia đình, kiến trúc, ... + Dạng bài IELTS cơ bản: chọn câu đúng, kết nối thông tin, nhận định thông tin, miêu tả sơ đồ, … - Kiến thức nâng cao: Luyện tập 4 kỹ năng nghe-nói-đọc-viết sử dụng: + Từ vựng nâng cao: thể thao, sức khỏe, kinh doanh, năng lượng, truyền thông, … + Dạng bài IELTS nâng cao: hoàn tất câu, viết các bài văn ngắn mang tính chất học thuật, ... - Kiến thức/kỹ năng mở rộng: thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề
17	Kỹ năng máy tính và Tin học ứng dụng văn phòng	2	Điều kiện tiên quyết/học trước: Không
			Nội dung học phần: Môn học bao gồm 6 modules: + Module 1: Khái niệm CNTT cơ bản, trình bày kiến thức cơ bản về cấu trúc máy tính, hệ thống mạng máy tính, vấn đề an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong Công nghệ thông tin – Truyền thông. Các vấn đề liên quan đến an toàn thông tin và pháp luật trong sử dụng CNTT + Module 2: Sử dụng máy tính cơ bản. Nội dung tập trung hướng dẫn các thao tác thành thục để sử dụng máy tính cá nhân, các tiện ích cơ bản, gõ tiếng Việt và in ấn văn bản. + Module 3: Soạn thảo văn bản. Giới thiệu và tổng quan các công cụ thiết kế văn bản với phần mềm Microsoft Word + Module 4: Xử lý bảng tính. Tìm hiểu các ứng dụng tính toán chuyên nghiệp với phần mềm Microsoft Excel. Sử dụng các hàm số và thuật toán để giải quyết các bài toán và tình huống thực tế. + Module 5: Sử dụng trình chiếu cơ bản. Xây dựng các bản trình chiếu thuyết trình với các kỹ thuật cơ bản và nâng cao với Microsoft PowerPoint. + Module 6: Internet cơ bản. Tìm kiếm thông tin trên mạng diện rộng toàn cầu, sử dụng hộp thư điện tử, tìm hiểu các ứng dụng Thương mại điện tử, cộng đồng trực tuyến. Hình thành các thói quen bảo mật thông tin an toàn cho người dùng.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
18	Kỹ năng công dân toàn cầu	3	Điều kiện tiên quyết/học trước: Không
			Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cần thiết trong việc lập kế hoạch và quản lý thời gian hiệu quả. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện các kỹ năng cơ bản như: phương pháp học tập cá nhân, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng công dân số thông qua các dự án nhằm vận dụng, thực hành các kỹ năng giúp sinh viên phát triển một cách toàn diện.
19	Lễ tân ngoại giao	2	Điều kiện tiên quyết/học trước: Không
			Nội dung học phần: cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản sau đây : + Công nhận quốc gia và thiết lập quan hệ ngoại giao, quyền ưu đãi và miễn trừ ngoại giao; hàm, cấp và chức vụ ngoại giao + Lịch sử hình thành của Lễ tân ngoại giao + Khái niệm, vai trò, nguyên tắc của lễ tân ngoại giao + Phân biệt lễ tân ngoại giao với lễ tân đối ngoại với nghi thức nhà nước + Hiểu được ý nghĩa của các biểu tượng quốc gia trong quan hệ quốc tế. Biệt cách sử dụng các biểu tượng quốc gia thế nào cho đúng + Hiểu rõ các danh nghĩa viếng thăm của đoàn cấp cao nước ngoài; cách thức chuẩn bị đón tiếp các chuyến thăm của đoàn cấp cao nước ngoài + Nghi thức đón tiếp đoàn cấp cao nước ngoài sang thăm + Ngôi thứ ngoại giao; cách sắp xếp chỗ ngồi trong các hội nghị hội thảo quốc tế + Ý nghĩa, các hình thức chiêu đãi ngoại giao; cách tổ chức tiệc chiêu đãi ngoại giao; sắp xếp chỗ ngồi trong bàn tiệc Ứng xử thường thức khi tiếp xúc xã giao (ấn tượng ban đầu); hôn hữu nghị, bắt tay, trao 'card bussiness'; cách sử dụng cụ ăn Âu và Mĩ; cảm ơn, xin lỗi, xin phép; khen và chê thế nào cho đúng; sử dụng điện thoại.
20	Phương pháp nghiên cứu Luật học	2	Điều kiện tiên quyết/học trước: Không Nội dung học phần: Học phần này cung cấp cho sinh viên các khối kiến thức: Giải thích pháp luật; Phân tích luật viết; Bình luận án; Các phương pháp nghiên cứu luật học; Cách thức tiến hành nghiên cứu một đề tài về pháp luật. Từ đó, sinh viên ứng dụng vào thực tiễn.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
21	Giáo dục thể chất 1 (*)	2	Điều kiện tiên quyết/học trước: Không
	Giáo dục thể chất 2 (*)		Nội dung học phần: Sinh viên được chọn học 2 trong 14 học phần: Bơi lội, Bóng bàn, Bóng chuyền, Futsal, Bóng rổ, Cầu lông, Cờ vua, Fitness, Khiêu vũ, Leo núi thể thao, Tennis, Võ thuật, Hatha Yoga, Golf. Các học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng và thực hành về lịch sử hình thành phát triển, lợi ích tập luyện và mục đích tập luyện; các Kỹ thuật, chiến thuật; Luật thi đấu; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài; Phương pháp xử lý sự cố trong các trường hợp đặc biệt.
22.	Lý luận về Nhà nước và pháp luật	4	Điều kiện tiên quyết/học trước: Không
			Nội dung học phần: Học phần Lý luận Nhà nước và Pháp luật bao gồm các nội dung: Nguồn gốc nhà nước và pháp luật, Bản chất, đặc điểm của nhà nước và pháp luật, Kiểu nhà nước và kiểu pháp luật, Hình thức của nhà nước và pháp luật, Nhà nước CHXHCN Việt Nam, Hệ thống pháp luật, Quy phạm pháp luật, Quan hệ pháp luật, Thực hiện pháp luật và áp dụng pháp luật, Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý, Ý thức pháp luật và pháp chế XHCN.
23.	Lịch sử Nhà nước và pháp luật	2	Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Lý luận về nhà nước và pháp luật;
			Nội dung học phần: Cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển, thay thế của các kiểu Nhà nước và pháp luật trên thế giới. Từ đó, khái quát đặc điểm trong quá trình hình thành, phát triển, hội nhập với khu vực và quốc tế của Nhà nước - pháp luật Việt Nam trong tiến trình lịch sử.
24.	Luật So sánh	2	Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Lý luận Nhà nước và pháp luật; Luật Hiến pháp.
			Nội dung học phần: gồm những kiến thức cơ bản về các dòng họ pháp luật chủ đạo trên thế giới thông qua phương pháp tiếp cận so sánh luật. Học phần gồm 2 nhóm vấn đề chính: (1) Lí luận chung về luật học so sánh; (2) Các dòng họ pháp luật chủ đạo trên thế giới và một số chế định pháp luật đặc thù của những hệ thống pháp luật điển hình.
25.	Luật Hiến pháp	2	Điều kiện tiên quyết/học trước: song hành với Lý luận Nhà nước và pháp luật.
			Nội dung học phần: Môn học trình bày được Những vấn đề lí luận cơ bản về Luật Hiến pháp, Hiến pháp và lịch sử lập hiến Việt Nam; vị trí, vai trò của các bộ phận trong hệ thống chính trị; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			công dân; nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; chế độ bầu cử; tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước trong bộ máy nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.
26.	Luật Hành chính	3	Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Lý luận Nhà nước và Pháp luật.
			Nội dung học phần: Là môn học nghiên cứu về những vấn đề liên quan đến tổ chức và hoạt động quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực hành chính Nhà nước. Toàn bộ môn học được chia thành 3 nội dung lớn: - Các vấn đề lý luận về quản lý hành chính Nhà nước (QLHCNN) và luật hành chính như: ngành luật hành chính; quy phạm và quan hệ pháp luật hành chính; nguyên tắc, hình thức và phương pháp QLHCNN; thủ tục hành chính; quyết định hành chính; - Các chủ thể quan trọng của Luật hành chính như cơ quan hành chính Nhà nước; cán bộ, công chức, viên chức; tổ chức xã hội; công dân Việt Nam, người nước ngoài và người không quốc tịch. - Chế định về vi phạm hành chính và cưỡng chế hành chính như: hình thức xử phạt vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; thủ tục xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp xử lý hành chính.
27.	Những vấn đề chung về Luật Dân sự, tài sản và quyền thừa kế	3	Điều kiện tiên quyết/học trước: học sau Lý luận Nhà nước và Pháp luật.
			Nội dung học phần: Học phần giới thiệu những vấn đề chung của Luật Dân sự gồm hệ thống các khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật dân sự, đặc điểm, cấu thành của quan hệ pháp luật dân sự; các căn cứ phát sinh, thay đổi, chấm dứt các quan hệ pháp luật dân sự. Nghiên cứu các chế định về giao dịch dân sự, thời hạn, thời hiệu, đại diện; chế định về quyền sở hữu, chế định về quyền thừa kế di sản.
28.	Luật Hình sự	4	Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Lý luận Nhà nước và pháp luật; Luật Hiến pháp.
			Nội dung học phần: Nghiên cứu những vấn đề chung về Luật hình sự, tội phạm hình phạt, một số chế định liên quan đến tội phạm và hình phạt; một số nhóm tội phạm như: Các tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ danh dự và nhân phẩm của con người, Các tội xâm phạm sở hữu, Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, Các tội phạm về chức vụ.
29.		3	Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Những vấn đề chung về Luật Dân sự, tài sản và quyền thừa kế.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
	Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng		Nội dung học phần: cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp luật về nghĩa vụ, khái luận hợp đồng, biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm dân dự do vi phạm nghĩa vụ, các quy định chung về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và các trường hợp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cụ thể.
30.	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	3	Điều kiện tiên quyết/học trước: Những vấn đề chung về Luật Dân sự, tài sản và quyền thừa kế - 71LAWS40463
			Nội dung học phần: trang bị những vấn đề chung về kinh doanh và chủ thể kinh doanh; Doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh; Công ty hợp danh; Công ty trách nhiệm hữu hạn; Công ty cổ phần; Tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp; Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
31.	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	2	Điều kiện tiên quyết/học trước: sau 71LAWS40523 - Pháp luật về chủ thể kinh doanh
			Nội dung học phần: giải quyết các vấn đề pháp lý thực tiễn, các quan hệ phát sinh trong hoạt động thương mại tại Việt Nam. Quy định pháp luật về thương nhân, hoạt động thương mại và chế tài thương mại được trình bày trong học phần này giúp người học nắm bắt được những nội dung cơ bản trong pháp luật thương mại Việt Nam hiện hành. Học phần còn tập trung giải quyết các vấn đề pháp lý cụ thể liên quan đến các hoạt động thương mại phổ biến trong thực tiễn như mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, giám định thương mại, dịch vụ Logistics, trung gian thương mại, nhượng quyền thương mại,... Xuất phát từ định hướng ứng dụng, học phần này còn giúp người học rèn luyện khả năng phân tích, bình luận và tư duy pháp lý thông qua việc giải quyết các tình huống pháp lý trong hoạt động thương mại trên cơ sở các bản án, tình huống thực tiễn.
32.		4	Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
	Luật Tố tụng dân sự		Nội dung học phần: trình bày các vấn đề sau đây: Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự; Chủ thể quan hệ pháp luật dân sự, thẩm quyền của toà án nhân dân; Chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; Biện pháp khẩn cấp tạm thời; Thủ tục giải quyết vụ việc dân sự (tại tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm theo thủ tục thông thường; Giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn; Thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án; Giải quyết việc dân sự; thủ tục công nhận và cho thi hành tại Việt Nam hoặc không công nhận bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài; Quy định chung về thủ tục giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài
33.	Công pháp Quốc tế	3	Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Luật hình sự.
			Nội dung học phần: cung cấp những kiến thức lí luận cơ bản về hệ thống pháp luật quốc tế. Bên cạnh đó, môn học còn trang bị cho SV kiến thức về các ngành, chế định và những vấn đề cụ thể của hệ thống pháp luật quốc tế như luật điều ước quốc tế, luật biển quốc tế, luật ngoại giao, lãnh sự, luật tổ chức quốc tế, trách nhiệm pháp lí quốc tế...
34.	Luật Tố tụng hình sự	3	Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Luật Hình sự
			Nội dung học phần: Nghiên cứu khái niệm, nhiệm vụ và nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự; cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành và tham gia tố tụng; chứng cứ trong tố tụng hình sự; những biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự; khởi tố vụ án hình sự; điều tra vụ án hình sự; truy tố; xét xử sơ thẩm, xét lại bản án và quyết định chưa có hiệu lực pháp luật theo thủ tục phúc thẩm; quyết định của tòa án và thi hành bản án; xét lại bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật.
35.	Tư pháp Quốc tế	3	Điều kiện tiên quyết/học trước: Công pháp Quốc tế - 71LAWS40023, Luật tố tụng dân sự - 71LAWS40412

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			Tư pháp quốc tế là môn khoa học pháp lý chuyên ngành. Nội dung môn học gồm hai phần chính: Lý luận chung về Tư pháp quốc tế: Tổng quan về Tư pháp quốc tế, Chủ thể quan hệ pháp luật trong Tư pháp quốc tế, Xung đột pháp luật và việc áp dụng pháp luật nước ngoài, Thẩm quyền của tòa án quốc gia đối với vụ việc có yếu tố nước ngoài, ủy thác tư pháp quốc tế, công nhận và thi hành bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài, trọng tài nước ngoài Những lĩnh vực cụ thể của Tư pháp quốc tế: gồm các lĩnh vực chuyên biệt của Tư pháp quốc tế: quyền sở hữu, quyền sở hữu trí tuệ, thừa kế, hợp đồng, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và hôn nhân gia đình trong Tư pháp quốc tế.
36.	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Luật Hành chính.
			Nội dung học phần gồm: Khái quát về soạn thảo văn bản pháp luật; quy trình ban hành văn bản pháp luật; ngôn ngữ trong văn bản pháp luật; thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản; hiệu lực và nguyên tắc áp dụng văn bản pháp luật; kiểm tra và xử lí văn bản pháp luật; kỹ năng soạn thảo VBPL và văn bản hành chính.
37.	Luật Lao động	3	Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.
			Nội dung học phần: cung cấp các kiến thức cơ bản về đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, các nguyên tắc cơ bản của luật lao động Việt Nam; khái niệm, ý nghĩa, đối tượng áp dụng hợp đồng lao động, việc thực hiện, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động; một số vấn đề pháp lý về tiền lương; thời giờ làm việc và nghỉ ngơi; an toàn lao động và vệ sinh lao động; các hình thức kỷ luật lao động; các căn cứ để xác định trách nhiệm vật chất, mức bồi thường và cách thức bồi thường thiệt hại; tranh chấp lao động và cơ chế giải quyết tranh chấp lao động; khái niệm đình công, dấu hiệu cơ bản của đình công và thủ tục giải quyết các cuộc đình công.
38.	Luật Đất đai	2	Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.
			Nội dung học phần: gồm những kiến thức cơ bản về sở hữu, quản lí đất đai ở Việt Nam trên cơ sở tính đặc thù của chế độ sở hữu toàn dân về đất đai ở nước ta. Luật đất đai cũng thể hiện dưới góc độ lí luận và thực tiễn về quyền của người sử dụng đất trên cơ sở nghiên cứu các chế độ pháp lí cụ thể, từ đó bao quát các thủ tục hành chính trong quản lí, sử dụng đất đai và trình tự thực hiện các quyền của người sử dụng đất... các hệ thống kiến thức về giải quyết tranh chấp đất đai, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai.
39.	Luật Đầu tư	2	Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			Nội dung học phần: Luật đầu tư là môn học chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về các hoạt động đầu tư kinh doanh bao gồm hình thức đầu tư, trình tự thủ tục đầu tư, đảm bảo khuyến khích đầu tư, quy chế pháp lí về các khu kinh tế đặc biệt, quy chế pháp lí về đầu tư ra nước ngoài, quy chế pháp lí về đầu tư kinh doanh vốn nhà nước.
40.	Luật Ngân hàng	2	Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ.
			Nội dung học phần: gồm những vấn đề lý luận về ngân hàng và pháp luật ngân hàng; địa vị pháp lý của ngân hàng nhà nước; địa vị pháp lý của các tổ chức tín dụng; pháp luật về quản lý tiền tệ và ngoại hối; pháp luật về tín dụng và ngân hàng; pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán của các ngân hàng.
41.	Luật Thương mại Quốc tế	3	Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ và song hành với Tư pháp quốc tế
			Nội dung học phần: gồm 2 phần chính: Luật thương mại quốc tế giữa các quốc gia và luật thương mại quốc tế giữa các thương nhân bao gồm: Khái niệm giao dịch thương mại quốc tế và luật thương mại quốc tế; Các nguyên tắc cơ bản của WTO và ngoại lệ; Thương mại hàng hoá và các hiệp định của WTO; Thương mại dịch vụ và GATS; Quyền sở hữu trí tuệ và Hiệp định TRIPs; Cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO; Pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế; Pháp luật về thanh toán quốc tế; Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân.
42.	Luật Thuế	3	Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ.
			Nội dung học phần: trang bị kiến thức, kỹ năng về luật thuế. Học phần gồm 5 chương, với các nội dung chính: Lý luận chung về thuế và pháp luật thuế Việt Nam; Pháp luật thuế thu vào hàng hoá, dịch vụ; Pháp luật thuế thu vào thu nhập; Pháp luật thuế thu vào việc sử dụng và khai thác một số tài sản Nhà nước; Pháp luật về quản lý thuế.
43.	Luật Cạnh tranh	2	Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Pháp luật về thương mại, hàng hóa và dịch vụ.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			Nội dung học phần: gồm những vấn đề chung về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh, Pháp luật về chống hành vi cạnh tranh không lành mạnh, Pháp luật về kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh, Bộ máy thực thi Luật Cạnh tranh và Tố tụng cạnh tranh; Tranh chấp thương mại, các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ngoài Tòa án và Tố tụng trọng tài thương mại tại Việt Nam.
44.	Pháp luật về xuất nhập khẩu	3	Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Pháp luật về thương mại, hàng hóa và dịch vụ; Luật thương mại quốc tế.
			Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan về hoạt động xuất nhập khẩu và pháp luật xuất nhập khẩu; Quản lý nhà nước trong hoạt động xuất nhập khẩu; Hệ thống thủ tục hải quan và chứng từ trong hoạt động xuất nhập khẩu; Hợp đồng xuất nhập khẩu và Giao nhận và vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu.
45.	Luật các tổ chức Quốc tế về thương mại	3	Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Luật thương mại Quốc tế.
			Học phần các tổ chức quốc tế về thương mại trình bày các vấn đề pháp lý của một số tổ chức quốc tế, cộng đồng kinh tế quốc tế lớn trên thế giới có liên quan đến lĩnh vực kinh doanh thương mại như Tổ chức thương mại thế giới WTO, Cộng đồng các quốc gia ASEAN và Liên minh Châu âu EU. Nội dung sẽ tập trung vào các nội dung bao gồm tổng quan về liên kết kinh tế- thương mại trên thế giới hiện nay; thiết chế pháp lý, chương trình và kế hoạch hợp tác, các điều ước quốc tế song phương và đa phương đã kí kết, cơ chế tổ chức và hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và cơ chế giải quyết tranh chấp của các tổ chức quốc tế.
46.	Luật Hôn nhân và gia đình	2	Điều kiện tiên quyết/học trước: Những vấn đề chung về Luật Dân sự, tài sản và quyền thừa kế.
			Nội dung học phần: trang bị cho sinh viên khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam; quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình; sự phát triển của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; các chế định cụ thể của Luật hôn nhân và gia đình Việt nam; kết hôn, hủy hôn trái pháp luật; quan hệ giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ với các con và các thành viên khác trong gia đình; quan hệ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình; chấm dứt hôn nhân.
47.	Hệ thống pháp luật Việt Nam	2	Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Lý luận Nhà nước và pháp luật.
			Nội dung học phần: Trình bày tổng quan về các cơ sở pháp lý chung và một số lĩnh vực pháp luật cụ thể của hệ thống pháp luật Việt Nam theo ngôn ngữ tiếng Anh, bao gồm các nội dung: cấu trúc nguồn luật và bộ máy nhà nước Việt Nam; Luật Hiến pháp Việt Nam; Luật Hành chính; Luật Hình sự và Tố tụng hình sự Việt Nam; Luật Dân sự và Tố tụng dân

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			sự; Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam; Luật Lao động và Luật An sinh xã hội Việt Nam; Luật Doanh nghiệp; Luật Thương mại và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại.
48.	Luật Sở hữu trí tuệ	2	Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.
			Nội dung học phần: trình bày được những quy định chung của Luật Dân sự gồm hệ thống các khái niệm về đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự, đặc điểm, cấu thành của quan hệ pháp luật Dân sự; các căn cứ phát sinh, thay đổi, chấm dứt các quan hệ pháp luật dân sự. Nghiên cứu các chế định về giao dịch dân sự, thời hạn, thời hiệu, đại diện; chế định về quyền sở hữu, chế định về quyền thừa kế di sản.
49.	Pháp luật về thương mại điện tử	2	Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ (71LAWS40572).
			Nội dung học phần: Giới thiệu hệ thống các khái niệm pháp lý về thương mại điện tử. Quy định của pháp luật Việt nam về thương mại điện tử;Quy định của pháp uật về hoạt động quản lý nhà nước đối với thương mại điện tử; Xử lý vi phạm trong hoạt động thương mại điện tử. Kiến thức lý thuyết của học phần giúp người học có kiến thức lý luận chung về thương mại điện tử giúp người học có khả năng phân tích , đáng giá được các vấn đế của thực tiễn giao dịch thương mại điện tử hiện nay, tư vấn giải quyết tranh chấp,rèn luyện cho người học khả năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện theo nhóm bs83ng khả năng tư duy pháp lý thông qua việc giải quyết các tình huống pháp lý trong hoạt động thương mại điện tử trên cơ sở các bản án, tình huống thực tiễn
50.	Luật Biển Quốc tế	2	Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Công pháp Quốc tế.
			Nội dung học phần: Luật Biển là một môn khoa học pháp lý chuyên ngành, nghiên cứu chuyên sâu, có hệ thống những quy định pháp luật về biển trong việc xác định chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia trên các vùng biển, vấn đề hợp tác trong việc sử dụng, khai thác tài nguyên biển và giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình sử dụng và khai thác biển, đại dương.
			Học phần gồm 2 nhóm vấn đề chính: (i) Chế độ pháp lý của các vùng biển theo công ước 1982 về luật biển mà Việt Nam là thành viên và theo luật biển Việt Nam năm 2013, xác định ranh giới các vùng biển, phân định biển. (ii) Những vấn đề pháp lý về giải quyết tranh chấp về biển như khái niệm, phân loại tranh chấp biển, cơ chế và biện pháp giải quyết tranh chấp biển theo công ước 1982 mà Việt Nam là thành viên, thực trạng tranh chấp và giải quyết tranh chấp biển giữa Việt Nam với các nước trong khu vực.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
51.	Luật Thi hành án dân sự	2	Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Luật Tố tụng dân sự.
			Nội dung học phần: cung cấp kiến thức về những vấn đề chung về thi hành án dân sự; Hệ thống tổ chức thi hành án dân sự và chấp hành viên; Thủ tục thi thành án; Biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án; Thi hành án trong một số trường hợp cụ thể.
52.	Pháp luật kinh doanh bất động sản	2	Điều kiện tiên quyết/học trước: 71LAWS40212 – Luật đất đai
			Học phần tập trung vào các vấn đề sau: Khái quát về pháp luật kinh doanh bất động sản, chủ thể kinh doanh trong thị trường bất động sản, các hoạt động kinh doanh bất động sản cụ thể, hợp đồng trong kinh doanh bất động sản, pháp luật về kinh doanh nhà ở, tranh chấp và giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh bất động sản.
53.	Luật Đầu tư Quốc tế	2	Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Luật Đầu tư; Luật thương mại quốc tế.
			Nội dung học phần: Nghiên cứu chủ yếu về pháp luật điều chỉnh đầu tư quốc tế, nhằm tự do hoá đầu tư cũng như bảo hộ đầu tư nước ngoài, đồng thời cung cấp kiến thức về sự phát triển của pháp luật và các yếu tố thể chế, kinh tế và chính trị ảnh hưởng đến đầu tư quốc tế. Môn học nghiên cứu các loại nguồn luật điều chỉnh đầu tư quốc tế, như các điều ước về đầu tư ở tầm toàn cầu, các hiệp định đầu tư song phương (BITs), các hiệp định đầu tư khu vực, tập quán quốc tế về đầu tư, án lệ quốc tế về đầu tư...
54.	Luật Môi trường	2	Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Luật Hành chính.
			Học phần được xây dựng giúp sinh viên lĩnh hội những kiến thức cơ bản về pháp luật môi trường, bao gồm: Những vấn đề chung về môi trường, pháp luật về kiểm soát ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường, pháp luật về quy chuẩn kỹ thuật môi trường, tiêu chuẩn môi trường và đánh giá môi trường, vấn đề quản lý chất thải; pháp luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, từ đó vận dụng kiến thức vào việc giải quyết các tình huống pháp lý thực tiễn. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học và di sản văn hóa trong lĩnh vực môi trường; pháp luật về thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực môi trường, đặc biệt là xử lý vi phạm hành chính về môi trường. Đồng thời, sinh viên được yêu cầu vận dụng kiến thức lý luận vào đánh giá, phân tích tình huống thực tiễn thông qua làm việc nhóm, thuyết trình.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			Học phần cũng giúp sinh viên tìm hiểu các khía cạnh pháp lý quốc tế về bảo vệ môi trường, đánh giá được vai trò của luật quốc tế về môi trường và mối quan hệ giữa luật quốc tế với luật quốc gia về môi trường.
55.	Thực tập	4	Điều kiện tiên quyết/học trước: Không
			Học phần Thực tập được tổ chức vào học kỳ cuối của khóa học. Đây là cơ hội để sinh viên tiếp cận và làm việc thực tế của các tổ chức, doanh nghiệp. Qua đó, sinh viên có thể vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học vào công việc thực tế, giải quyết các vấn đề cụ thể của lĩnh vực chuyên ngành đã học tại tổ chức, doanh nghiệp; học hỏi và trau dồi thêm các kỹ năng mềm cần thiết cho mục tiêu nghề nghiệp tương lai sau khi tốt nghiệp ra trường. Kết thúc thực tập, sinh viên hoàn thành báo cáo thực tập và nhật ký thực tập trên cơ sở trải nghiệm thực tiễn và đề tài nghiên cứu gắn với thực tiễn.
56.	Khóa luận tốt nghiệp	6	Điều kiện tiên quyết/học trước: Sinh viên đủ điều kiện theo quy định.
			Những sinh viên đủ điều kiện viết Khóa luận tốt nghiệp sẽ tự chọn một đề tài có thể là một vấn đề hay một khía cạnh nhỏ trong số những vấn đề do Khoa quy định. Nếu chọn vấn đề khác thì phải được sự đồng ý của giảng viên. Sinh viên triển khai đề tài thành một công trình nghiên cứu. Học phần yêu cầu sinh viên thực hiện một đề tài dưới dạng thức là một công trình nghiên cứu có nội dung liên quan đến các kiến thức của ngành Luật Kinh tế. Khi thực hiện khóa luận, sinh viên sẽ đươc đề xuất đề tài hay đươc giao đề tài và đươc giảng viên phụ trách hướng dẫn khoa học. Việc thực hiện khóa luận tốt nghiệp phải theo đúng quy định, thông báo của Khoa về các mốc thời gian, mẫu báo cáo thuyết minh và các quy định khác về việc bảo vệ khóa luận.
			Những sinh viên không đủ điều kiện viết Khóa luận tốt nghiệp sẽ phải học 2 chuyên đề tương đương.
57.	HPTN1: Các phương thức giải quyết tranh chấp trong thương mại	3	Điều kiện tiên quyết/học trước: Luật Tố tụng dân sự - 71LAWS40414, Pháp luật về thương mại, hàng hoá, dịch vụ - 71LAWS40472.
			Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại, bao gồm: Tranh chấp thương mại và các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại; Phương thức giải quyết tranh chấp thương mại thông qua thương lượng, hòa giải, tại tòa án, đặc biệt môn học chú trọng đến phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại tại Việt Nam.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			Môn học cũng cung cấp cho sinh viên những tình huống pháp lý, những vụ việc tranh chấp thương mại đã xảy ra trong thực tế nhằm giúp sinh viên vận dụng kiến thức để nhận diện các vấn đề pháp lý cũng như tích lũy kiến thức và kinh nghiệm trong hoạt động giải quyết tranh chấp trong thương mại tại Việt Nam hiện nay.
58.	HPTN2: Kỹ năng đàm phán, soạn thảo, tư vấn hợp đồng trong kinh doanh	3	Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Học phần bao gồm ba nội dung chính về hợp đồng là kỹ năng đàm phán hợp đồng, kỹ năng soạn thảo và kỹ năng tư vấn hợp đồng. Học phần giúp sinh viên vận dụng kiến thức hợp đồng đã được học và tìm hiểu chuyên sâu hơn các vấn đề pháp lý liên quan đến hợp đồng như: phân loại hợp đồng, giao kết hợp đồng, hình thức hợp đồng, tên gọi hợp đồng, cấu trúc hợp đồng, nhận diện và kiểm soát rủi ro hợp đồng để từ đó tư vấn cho khách hàng, chuẩn bị cho đàm phán, soạn thảo hợp đồng và có tư duy phòng ngừa các tranh chấp hợp đồng. Trong nội dung đàm phán hợp đồng, học phần trang bị cho sinh viên có kiến thức tổng thể và kỹ năng về đàm phán như: các phương thức đàm phán, các công việc cần chuẩn bị cho một cuộc đàm phán, diễn biến của cuộc đám phán, kết thúc đàm phán, những điều nên và không nên làm trong cuộc đàm phán. Trong nội dung soạn thảo và tư vấn hợp đồng, học phần giúp sinh viên nắm được các kỹ năng cần thiết khi soạn thảo, rà soát hợp đồng thông qua việc thực hành soạn thảo từng điều khoản hợp đồng và rà soát hợp đồng dựa trên các tình huống đặc thù đồng thời thực hành kỹ năng tư vấn và soạn thảo văn bản tư vấn.

8.c. Tổ chức thực hiện chương trình và thiết kế đánh giá

i) Giảng dạy và học tập
- Gặp trực tiếp: giờ lên lớp, giờ trực chuyên môn tại văn phòng khoa; - Gặp gián tiếp thông qua các phương tiện nghe nhìn: trang học trực tuyến; - Thông qua cố vấn học tập: đặt lịch hẹn.
ii) Tự học và trải nghiệm thực tế
- Sinh viên được giảng viên giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo trong thư viện để tự học, tự nghiên cứu. Sinh viên cũng sử dụng hệ thống học trực tuyến để sử dụng các tài nguyên kỹ thuật số và tạo điều kiện thuận tiện cho việc tự học ngoài lớp. - Trong quá trình học, sinh viên sẽ được tham gia các hoạt động trải nghiệm như sau: + Tham dự các phiên tòa tại Tòa án nhân dân; + Thực tập tại các Tổ chức hành nghề Luật sư; + Tham dự mô phỏng các phiên tòa tập sự; + Tham gia các cuộc thi về pháp luật cấp Khoa, cấp Trường và cấp Thành phố; + Tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học. - Ngoài ra, sinh viên sẽ được học các chuyên đề sau: + Chuyên đề 1: Môi trường và con người; + Chuyên đề 2: Định hướng nghề nghiệp cho sinh viên Luật. + Chuyên đề 3: Kỹ năng phân tích, diễn giải quy định của pháp luật.
iii) Các phương pháp đánh giá
Tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, dự án, đồ án…. - Đánh giá theo quy định của Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Văn Lang: Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ. - Sinh viên được đánh giá qua các tiêu chí: + Điểm quá trình: Thông qua các hình thức kiểm tra đánh giá như làm bài thuyết trình, bài tập, chuyên cần, phát biểu ý kiến, thảo luận, diễn án; + Điểm cuối kỳ: Thi, tiểu luận.

9. Học tập trải nghiệm qua công việc thực tế

9.a. CTĐT có tạo cơ hội học tập qua công việc thực tế hay không?
- Sinh viên từ năm thứ 2 có cơ hội trải nghiệm công việc thực tế tại các doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước, tổ chức… từ đó sinh viên nhìn thấy rõ ràng bức tranh nghề nghiệp trong thực tế sau này ra trường đi làm. - CTĐT đã thiết kế thời gian thực tập tại các doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước, tổ chức… để thực hành công việc thực tế đúng chuyên ngành được đào tạo.
9.b. Trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp là bắt buộc hay tùy chọn?
CTĐT yêu cầu một số học phần phải đào tạo thông qua công việc thực tế, sinh viên được yêu cầu xử lý trên quy trình công việc thực tế tại các doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước, tổ chức….
9.c. Tóm tắt bản chất học tập qua công việc thực tế
Một số học phần được tổ chức giảng dạy tại doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước, tổ chức… giúp sinh viên xử lý trên các quy trình công việc thực tế. Sinh viên có cơ hội nghiên cứu, khám phá và trình

bày quan điểm với giảng viên và các chuyên gia tại doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước, tổ chức … các vấn đề học hỏi được từ thực tế.
9.d. Tổ chức quản lý các khóa học trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp
Trưởng khoa/Phó trưởng khoa/Trưởng bộ môn chịu trách nhiệm tổ chức và quản lý các khóa học trải nghiệm tại các doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước, tổ chức…. Các giảng viên được phân công hướng dẫn các nhóm kết hợp với các trưởng bộ phận tại doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước, tổ chức… thiết kế nội dung thực tập phù hợp với nội dung các học phần trong CTĐT và tổ chức đánh giá trên sản phẩm mà sinh viên phải hoàn thành sau mỗi đợt làm việc thực tế tại doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước, tổ chức….
9.e. Thời gian học tập trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp (học kỳ doanh nghiệp)
Thời gian học tập tại doanh nghiệp kéo dài từ 10 – 12 tuần.
9.f. Đánh giá học phần học trải nghiệm công việc thực tế
Đối với các học phần kiến tập và thực tập tốt nghiệp, sau khi kết thúc thời gian thực tập, sinh viên phải viết báo cáo/tiểu luận hoặc khóa luận tốt nghiệp. Giảng viên hướng dẫn và các chuyên gia tại doanh nghiệp sẽ đánh giá và cho điểm.

10. Đóng góp của những người ngoài trường

- Một số học phần thực hành, thực tế và một số hoạt động chuyên môn được giảng dạy và hướng dẫn trực tiếp bởi các luật sư, các nhà khoa học trong và ngoài nước.
- Tùy vào nhu cầu, khoa có kế hoạch hợp tác và mời chuyên gia thực tế giảng dạy các học phần/chuyên đề đặc biệt, họ vẫn đảm bảo tuân thủ phương pháp đánh giá theo quy định để hướng đến đạt chuẩn đầu ra của CTĐT.

11. Sinh viên/cựu sinh viên tham gia xây dựng và phát triển CTĐT (Làm thế nào sinh viên đang học hoặc cựu sinh viên tham gia vào việc góp ý xây dựng và phát triển CTĐT)

- Thông qua câu lạc bộ sinh viên, ban cán sự lớp, hoặc phiếu lấy ý kiến đóng góp của sinh viên cho việc xây dựng CTĐT.
- Thông qua CLB cựu sinh viên được khoa tổ chức họp mặt hàng năm hoặc 2 năm một lần để thu thập ý kiến đóng góp cho CTĐT.

12. Chuyển ngành đào tạo và học tập suốt đời

12.a. Sinh viên trường khác, ngành khác có thể chuyển đến?	Có thể	
12.b. Sinh viên có thể chuyển đi sang học ngành khác?	Có thể	
12.c. Cơ hội học sau đại học hoặc học 2 văn bằng		
Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể học tiếp thạc sĩ, tiến sĩ hoặc tham gia học văn bằng thứ 2 trong cùng lĩnh vực.		

13. Chất lượng và các tiêu chuẩn

Nhà trường và khoa cam kết xây dựng môi trường học tập chủ động, trải nghiệm thực tế và linh hoạt thay đổi phương pháp giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội, đóng góp vào sự phát triển của đất nước và hòa nhập nhanh với mới trường quốc tế. Với những chính sách cụ thể như:

1. Tạo ra môi trường học tập năng động, trải nghiệm thực tế, giúp người học phát huy năng lực cá nhân để có thể khởi nghiệp, học tập suốt đời;

2. Tăng cường kết hợp với doanh nghiệp thực tế trong và ngoài nước để thực hiện phương thức đào tạo "Tuyển sinh – Đào tạo – Việc làm";
3. Bám sát mục tiêu luôn gia tăng chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ cộng đồng bằng cách hiện đại hóa cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp giảng dạy, đào tạo đội ngũ CB.GV.NV đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu chất lượng để đảm bảo thực hiện chuẩn đầu ra đối với sinh viên;
4. Phát triển mô hình giáo dục mở, xây dựng xã hội học tập dựa trên giáo dục số và CMCN 4.0;
5. Gia tăng kiểm soát chất lượng toàn diện để tăng sự hài lòng của sinh viên và các bên liên quan.

14. Ngày thiết kế/rà soát Bản mô tả chương trình đào tạo

Ngày: 05/9/2022

DUYỆT **HIỆU TRƯỞNG**	**TRƯỞNG KHOA**
PGS. TS. Trần Thị Mỹ Diệu	**PGS. TS. Bùi Anh Thủy**